

VINACAPITAL-VFF

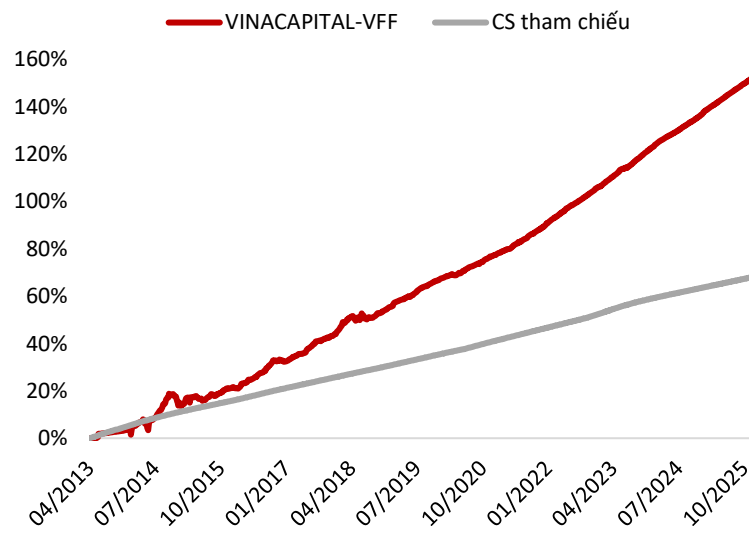
Chiến lược đầu tư

- Đầu tư chủ yếu vào trái phiếu doanh nghiệp niêm yết của các doanh nghiệp có chất lượng tín dụng cao và dòng tiền ổn định; đạt điểm tín nhiệm cao theo hệ thống xếp hạng tín nhiệm nội bộ của VinaCapital.

- Kết hợp đa dạng hóa các ngành nghề trong danh mục đầu tư.

- Thận trọng cân đối giữa mức độ rủi ro và lợi nhuận để giảm thiểu rủi ro.

Tăng trưởng NAV từ ngày thành lập



Số liệu thể hiện là kết quả đầu tư trong quá khứ, không đại diện cho kết quả đầu tư trong tương lai. Sẽ có biến động đối với vốn gốc và lợi nhuận đầu tư do đó NĐT có thể lời hoặc lỗ khi thực hiện bán chứng chỉ quỹ. Kết quả đầu tư hiện tại có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với số liệu được trích dẫn tại báo cáo này.

Hiệu suất đầu tư của quỹ VFF

	VINACAPITAL-VFF	CSTC
Tổng tài sản (tỷ VNĐ)	1,500.6	
Giá trị tài sản ròng/CCQ (VNĐ)	25,240.0	
Lợi nhuận tháng 11/2025 (%)	0.5	0.4
Lợi nhuận từ đầu năm 2025 (%)	5.9	4.3
Lợi nhuận kép trung bình 3 năm (%/năm)	7.1	5.1
Lợi nhuận kép trung bình 5 năm (%/năm)	7.4	5.0
Lợi nhuận kép trung bình hằng năm từ khi thành lập (%/năm)	7.6	4.2
Lợi nhuận từ ngày thành lập (%)	152.4	68.1

* CSTC: Chỉ số tham chiếu

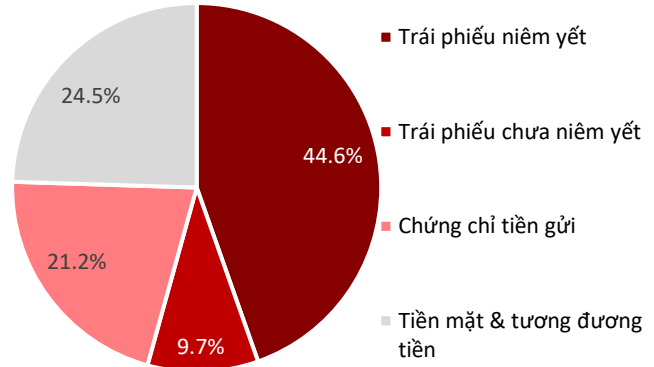
(Giá trị tài sản ròng của quỹ đã trừ đi các chi phí vận hành và phí quản lý)

Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư: irwm@vinacapital.com

Tel: +84 28 38 27 85 35

Phân bổ tài sản

% Giá trị tài sản ròng



Thông tin quỹ

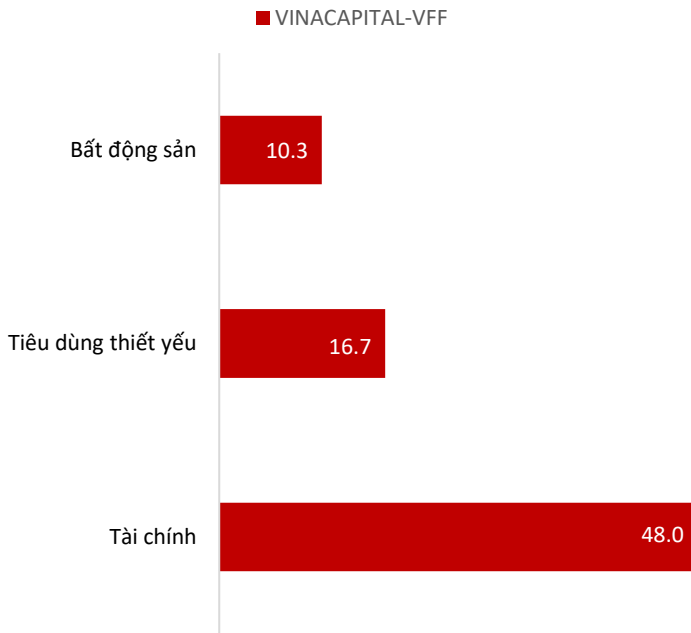
Ngày thành lập	1/4/2013
Phí quản lý	0.95%/năm
Phí phát hành	0.0%
Phí mua lại	2.0% < 12 tháng
	0.5% >= 12 tháng
	0.0% >= 24 tháng
Thuế thu nhập cá nhân	0.1%
Nghân hàng Giám sát và Lưu ký	Nghân hàng Standard Chartered Việt Nam
Công ty kiểm toán	PwC Việt Nam
Tần suất giao dịch	Thứ Ba và thứ Năm hằng tuần

Chỉ số tham chiếu (CSTC) Bình quân lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng thanh toán lãi cuối kỳ của 4 ngân hàng cổ phần thương mại nhà nước gồm Vietcombank, BIDV, VietinBank và Agribank.

Chỉ số danh mục đầu tư

Thời gian đáo hạn bình quân	1.0
Lợi suất khi đáo hạn (%)	6.7

Phân bổ theo ngành



Cập nhật thị trường và quỹ VINACAPITAL-VFF

Đầu tháng 11, đợt lũ lớn tại Việt Nam thu hút sự chú ý của truyền thông quốc tế và làm dấy lên lo ngại về nguy cơ tăng trưởng GDP bị ảnh hưởng. Tuy nhiên, dù diện tích ngập chiếm khoảng một phần tư lãnh thổ, khu vực bị tác động chỉ đóng góp dưới 10% dân số và quy mô GDP cả nước. Dựa trên các báo cáo thiệt hại của Chính phủ, tác động kinh tế được ước tính khá nhỏ, có thể dưới 0,3% GDP. Chúng tôi vẫn giữ kỳ vọng tăng trưởng 7,5% cho cả năm.

Lãi suất tại các ngân hàng thương mại tăng khoảng 50 điểm cơ bản trong tháng 11, cả ở kỳ hạn 12 tháng lẫn lãi suất liên ngân hàng qua đêm. Tuy nhiên, nguyên nhân chính không phải do lạm phát sau lũ mà do tình trạng căng thanh khoản trong hệ thống ngân hàng. Tăng trưởng tín dụng đến ngày 21/11 đạt hơn 16% YTD, vượt xa mức tăng tiền gửi 12% YTD; tại Việt Nam, khoảng chênh lệch 200–300 điểm cơ bản giữa tăng trưởng tín dụng và tăng trưởng tiền gửi thường đủ để đẩy lãi suất huy động lên cao.

Mức tăng lãi suất tiền gửi vừa qua đáng chú ý nhưng lãi suất này tại các ngân hàng thương mại thường dao động đáng kể theo từng ngân hàng. Lãi suất tiền gửi bình quân hiện tại là khoảng 6%.

Trong tháng 11, tổng giá trị trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ đạt 34,3 nghìn tỷ đồng, giảm 6% so với cùng kỳ năm trước. Khối ngân hàng và bất động sản tiếp tục dẫn đầu, lần lượt chiếm 53% và 26% tổng giá trị phát hành. Lãi suất phát hành bình quân của khối ngân hàng khoảng 6,6%, dao động từ 5,2% đến 8,0%; trong khi khối bất động sản ghi nhận mức bình quân cao hơn, khoảng 9,5%, dao động từ 9,0% đến 12,0%. Về kỳ hạn, trái phiếu ngân hàng có thời gian đáo hạn trung bình 5,9 năm, thấp hơn so với mức 7,3 năm của nhóm bất động sản. Ngoài ra, ngành xây dựng ghi nhận đợt huy động 4,0 nghìn tỷ đồng, tương đương 11% tổng giá trị phát hành riêng lẻ, đến từ CTCP Đầu tư Xây dựng Thái Sơn - một thành viên của Vingroup. Đáng chú ý, doanh nghiệp này cũng huy động 4,0 nghìn tỷ đồng trong tháng 10/2025.

Không có doanh nghiệp phát hành trên thị trường trái phiếu công chúng trong tháng 11.

Danh mục đầu tư lớn

Mã	Tên Tổ chức phát hành	Tỉ trọng (%)	Lợi suất (%)	Chu kỳ đáo hạn (năm)
HDB	Ngân hàng HDBank	10.9	7.2	3.3
MSN	Tập đoàn Masan	9.9	8.1	1.9
SHB	Ngân hàng Sài Gòn - Hà Nội	6.8	7.7	5.0
DSE	Chứng khoán DNSE	6.5	8.4	1.4
MML	Masan Meatlife	6.3	7.7	0.7

Lợi nhuận hằng tháng

	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	LN từ đầu năm
2023	0.7%	0.6%	0.7%	0.7%	0.8%	0.3%	0.5%	0.8%	0.7%	0.7%	0.7%	0.6%	8.0%
2024	0.7%	0.6%	0.5%	0.5%	0.5%	0.5%	0.5%	0.5%	0.5%	0.5%	0.6%	0.8%	6.9%
2025	0.5%	0.5%	0.5%	0.5%	0.6%	0.5%	0.5%	0.5%	0.5%	0.5%	0.5%	0.5%	5.9%

Thông tin quan trọng

Những thông tin trên đây do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital ("Công ty") soạn thảo và/hoặc có thể được cập nhật, sửa đổi, điều chỉnh và xác minh thêm mà không cần phải thông báo.

Thông tin trên không tạo thành và/hoặc hình thành nên một phần của bất kỳ chào bán nào hoặc đề nghị mua hoặc đăng ký mua bất kỳ chứng khoán nào cũng như không tạo thành căn cứ hoặc liên quan đến hoặc coi như là sự dẫn dụ tham gia vào bất kỳ hợp đồng hoặc cam kết dưới bất kỳ hình thức nào. Đối với những thông tin dự báo dựa trên việc ước tính và/hoặc ý kiến của Công ty tại thời điểm thông tin được đưa ra, Công ty sẽ không có nghĩa vụ cập nhật và/hoặc chỉnh sửa nếu các tình huống có thay đổi.